

Số: 420 /TB-HCQG

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2022

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2022

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Quyết định số 840/QĐ-HCQG ngày 04/4/2022 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia;

Căn cứ kế hoạch tuyển sinh và đào tạo sau đại học năm 2022 của Học viện;

Học viện Hành chính Quốc gia thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2022 với 610 chỉ tiêu, dự kiến như sau:

1. Chỉ tiêu ngành tuyển sinh

TT	Ngành	Chương trình đào tạo	Số chỉ tiêu
1	Quản lý công, mã số: 8 34 04 03	Định hướng nghiên cứu	120
		Định hướng ứng dụng	280
2	Chính sách công, mã số: 8 34 04 02	Định hướng ứng dụng	30
3	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, mã số: 8 38 01 02	Định hướng ứng dụng	90
4	Tài chính - Ngân hàng, mã số: 8 34 02 01	Định hướng ứng dụng	30
5	Quản lý kinh tế, mã số: 8 31 01 10	Định hướng ứng dụng	60

Ghi chú:

- Chỉ tiêu của từng ngành tuyển sinh có thể được điều chỉnh theo số lượng thí sinh đăng ký dự tuyển;

- Đối với ngành có số lượng hồ sơ đăng ký dưới 20, Học viện sẽ chuyển hồ sơ sang kỳ tuyển sinh tiếp theo.

2. Hình thức và thời gian đào tạo

2.1. Hình thức đào tạo: chính quy và vừa làm vừa học, cụ thể:

- Đào tạo định hướng nghiên cứu: hình thức đào tạo chính quy, học trong giờ hành chính trong tuần từ Thứ Hai đến Thứ Sáu;

- Đào tạo định hướng ứng dụng: hình thức đào tạo vừa làm vừa học, học trong giờ và ngoài giờ hành chính;

2.2. Thời gian đào tạo:

- Hình thức đào tạo chính quy: 24 tháng;

- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học: 30 tháng.

3. Kế hoạch và phương thức tuyển sinh

3.1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

3.2. Kế hoạch tuyển sinh dự kiến như sau:

- Thời gian phát hành và nhận hồ sơ: Từ ngày 08/4/2022 đến ngày 10/6/2022;
- Xét tuyển: Từ ngày 13/6/2022 đến ngày 27/6/2022;
- Khai giảng và nhập học: 08/7/2022.

4. Đối tượng và điều kiện đăng ký dự tuyển

Đối tượng đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Hành chính Quốc gia là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được các điều kiện sau:

4.1. Về văn bằng đại học

a) Đối với chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu ngành Quản lý công:

- Tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi;
- Tốt nghiệp đại học ngành phù hợp hạng trung bình hoặc trung bình khá phải đáp ứng được một trong các điều kiện sau:

+ Có bài báo khoa học liên quan đến ngành đăng ký dự tuyển đăng trên Tạp chí khoa học có chỉ số ISSN trong nước hoặc nước ngoài;

+ Có báo cáo khoa học liên quan đến ngành đăng ký dự tuyển đăng trên Kỷ yếu (có phản biện) của Hội nghị, hội thảo khoa học trong nước hoặc quốc tế;

+ Có đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành đăng ký dự tuyển;

+ Có sách tham khảo, chuyên khảo;

+ Có giải thưởng nghiên cứu khoa học từ cấp Trường/Học viện trở lên.

b) Đối với chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng:

Tốt nghiệp đại học ngành phù hợp.

c) Văn bằng của thí sinh tốt nghiệp đại học ngành phù hợp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có văn bản công nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo;

4.2. Về điều kiện ngoại ngữ

a) Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

b) Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được cấp bởi một cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận được quy định trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển (quy định tại *Phụ lục 1* của Thông báo này).

d) Thí sinh chưa có văn bằng hoặc chứng chỉ chứng minh năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ theo yêu cầu tại một trong các điểm a, b, c Mục 4.2 của Thông báo này có thể đăng ký tham dự kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) do Học viện tổ chức.

đ) Thí sinh là người nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

4.3. Về lý lịch bản thân: Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, không trong thời gian thi hành án hình sự.

4.4. Về điều kiện sức khỏe: Có đủ sức khỏe để học tập.

5. Tổ chức học bổ sung kiến thức và đánh giá năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh)

5.1. Danh mục ngành phù hợp, quy định đối tượng được miễn và đối tượng phải học bổ sung kiến thức chương trình đào tạo đại học do Giám đốc Học viện quyết định và được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Học viện Hành chính Quốc gia: <http://www1.napa.vn>.

5.2. Thời gian, địa điểm và hình thức học bổ sung kiến thức

- Thời gian: Học ngoài giờ hành chính vào các tối từ Thứ Hai đến Thứ Sáu và các ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật

- Hình thức học: Học theo hình thức trực tuyến; Thi kết thúc học phần tại Học viện và các Phân viện trực thuộc Học viện.

TT	Ngành	Thời gian học (dự kiến)	Hạn đăng ký
1	Quản lý công	Từ ngày 23/4-29/5/2022	Trước ngày 22/4/2022
2	Chính sách công	Từ ngày 23/4-29/5/2022	Trước ngày 22/4/2022
3	Luật HP và Luật HC	Từ ngày 23/4-29/5/2022	Trước ngày 22/4/2022
4	Tài chính - Ngân hàng	Từ ngày 23/4-29/5/2022	Trước ngày 22/4/2022
5	Quản lý kinh tế	Từ ngày 23/4-29/5/2022	Trước ngày 22/4/2022

5.3. Tổ chức đánh giá năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) cho các thí sinh chưa có văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ theo yêu cầu tại điểm a, b, c Mục 4.2 của Thông báo này:

- Thời gian ôn thi dự kiến: Từ ngày 14/5 đến ngày 02/6/2022;

- Thời gian tổ chức đánh giá: Ngày 04 và 05/6/2022.

Ghi chú: Thí sinh liên hệ Phòng Quản lý hỗ trợ đào tạo sau đại học, Ban QLĐT Sau đại học để được hỗ trợ thông tin: 0904 099 702; 0912 276 255; 0977 545 248.

6. Tiêu chí xét tuyển

Hội đồng tuyển sinh tổ chức đánh giá hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh theo các tiêu chí sau:

- Kết quả học tập ở trình độ đại học;
- Thành tích nghiên cứu khoa học;
- Kinh nghiệm công tác;
- Ưu tiên (nếu có).

Hội đồng tuyển sinh quy định thang điểm cụ thể của từng tiêu chí trên Phiếu đánh giá dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ.

7. Đối tượng và chính sách ưu tiên:

7.1. Đối tượng ưu tiên: Quy định cụ thể tại *Phụ lục 2* của Thông báo này.

7.2. Chính sách ưu tiên:

- Người dự tuyển có nhiều diện ưu tiên theo đối tượng chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất;

- Người dự tuyển thuộc nhóm UT1 được cộng 15 điểm (thang điểm 100) vào điểm hồ sơ xét tuyển.

- Người dự tuyển thuộc nhóm UT2 được cộng 5 điểm (thang điểm 100) vào điểm hồ sơ xét tuyển.

8. Hồ sơ dự tuyển

8.1. Thí sinh nộp hồ sơ dự tuyển theo danh mục sau:

a) Phiếu đăng ký xét tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ (theo mẫu);

b) Sơ yếu lý lịch (theo mẫu);

c) Bản chứng thực hợp pháp các giấy tờ sau:

- Bằng tốt nghiệp đại học; Bảng điểm;

- Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định tại Mục 4.2 của Thông báo này;

- Chứng chỉ bổ sung kiến thức (nếu có);

- Giấy tờ ưu tiên (nếu có).

d) Bản sao công trình nghiên cứu khoa học;

đ) Xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lý nhân sự về kinh nghiệm công tác hoặc bản sao hợp lệ quyết định tuyển dụng/ bổ nhiệm;

e) Giấy khám sức khỏe do Bệnh viện đa khoa cấp huyện trở lên cấp trong thời hạn 12 tháng;

f) Bốn ảnh 3 x 4 có ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh mặt sau từng ảnh;

g) Hai phong bì có dán tem và ghi rõ địa chỉ người nhận (để gửi Giấy báo);

h) Minh chứng chuyển khoản lệ phí tuyển sinh đợt 1 năm 2022.

*Lưu ý: Thí sinh nộp 01 bộ hồ sơ gốc và 03 bộ hồ sơ photo gồm các giấy tờ theo thứ tự từ điểm a đến điểm đ của Mục 8.1. Học viện chỉ nhận hồ sơ có đầy đủ các giấy tờ trên, hồ sơ đã nộp không trả lại.

8.2. Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ

Người đăng ký dự tuyển hoàn thành hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện theo địa chỉ:

a) *Tại Hà Nội*: Phòng 112 nhà A - Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quản lý đào tạo sau đại học, Học viện Hành chính Quốc gia - số 77, đường Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Điện thoại liên hệ: 0988765489; 0945887272; 0912658658.

b) *Tại Huế*: Phòng Quản lý đào tạo, Bồi dưỡng, Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia tại thành phố Huế - số 201, đường Phan Bội Châu, thành phố Huế. Điện thoại liên hệ: (0234).3931.612; 0983 605 098; 0988 012 052.

c) *Tại Tây Nguyên*: Phòng Quản lý đào tạo, Bồi dưỡng, Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia khu vực Tây Nguyên - số 02 Trương Quang Tuân, phường Tân Lập, thành

phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Điện thoại liên hệ: (0262).3896.969; 0914 268 304; 0977 883 347.

d) *Tại TP. Hồ Chí Minh*: Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia tại TP. Hồ Chí Minh - số 10, Đường 3/2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại liên hệ: (028) 38 63 2701; 0946 367 568; 0988 272 767.

9. Lệ phí xét tuyển và học phí

9.1. Lệ phí xét tuyển: 200.000 đồng/hồ sơ;

Thí sinh nộp lệ phí đăng ký dự tuyển và lệ phí xét tuyển trực tiếp cùng hồ sơ hoặc theo hình thức chuyển khoản. Số tài khoản: 0971008689999;

Tên tài khoản: Học viện Hành chính Quốc gia;

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Nam Hà Nội;

Nội dung chuyển khoản: Họ và tên, ngành dự tuyển, nộp lệ phí tuyển sinh thạc sĩ đợt 1 năm 2022.

9.2. Học phí: Theo quy định của Học viện.

Kết quả tuyển sinh, danh sách thí sinh trúng tuyển; kế hoạch khai giảng khóa học và các thông tin có liên quan sẽ được niêm yết trên các bảng tin và cập nhật trên cổng thông tin điện tử của Học viện Hành chính Quốc gia (<https://www1.napa.vn>). *đ*

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (đề b/c);
- Bộ Nội vụ (đề b/c);
- Ban Giám đốc Học viện;
- Các Bộ, Ban, ngành, đoàn thể TW (Vụ TCCB);
- Các UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Viện Nghiên cứu, Học viện, trường Đại học, Cao đẳng;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện;
- Lưu VT, SDH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**



Nguyễn Đăng Quế

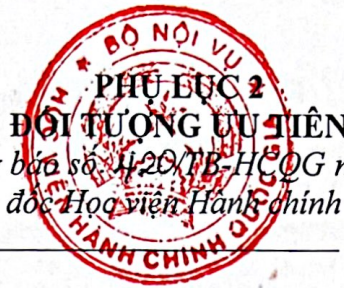
VĂN BẰNG CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
(Ban hành kèm theo Thông báo số 420/TB-HCQG ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia)

1. Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ:

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

2. Danh sách các cơ sở đào tạo được Bộ giáo dục cho phép, công nhận về việc cấp chứng chỉ Tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 Bậc:

- Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Trường Đại học Hà Nội;
- Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;
- Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế;
- Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng;
- Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh;
- Trường Đại học Cần Thơ;
- Đại học Thái Nguyên;
- Trường Đại học Vinh;
- Học viện An ninh nhân dân;
- Trường Đại học Sài Gòn;
- Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trường Đại học Trà Vinh;
- Trường Đại học Văn Lang;
- Trường Đại học Quy Nhơn;
- Trường Đại học Tây Nguyên;
- Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM;
- Học viện Báo chí và Tuyên truyền;
- Trường Đại học Thương Mại.
- Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM;
- Học viện Khoa học quân sự.



(Ban hành kèm theo Thông báo số 420/TB-HCQG ngày 08 tháng 4 năm 2022
của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia)

1. Nhóm ưu tiên 1 (UT1) gồm các đối tượng:

a) Đối tượng 1: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú trên 18 tháng tại các xã khu vực I thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành được áp dụng trong thời gian đăng ký dự tuyển; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ (Thí sinh nộp Sổ Hộ khẩu gia đình hợp pháp).

b) Đối tượng 2: Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen (Thí sinh nộp Văn bản xác nhận của tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp);

c) Đối tượng 3: Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh" (Thí sinh nộp Giấy chứng nhận thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh);

Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; (Thí sinh nộp Giấy xác nhận của đơn vị, Quyết định cử đi học).

Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định". Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày dự thi hay ĐKXT (Thí sinh nộp Quyết định xuất ngũ).

d) Đối tượng 4: Thân nhân liệt sĩ (Thí sinh nộp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và Giấy khai sinh);

Con thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Con bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; Con của người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh" mà người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh" bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hằng tháng"; Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;

(Thí sinh nộp Giấy chứng nhận, Quyết định của UBND cấp tỉnh về hưởng trợ cấp hằng tháng và Giấy khai sinh).

2. Nhóm ưu tiên 2 (UT2) gồm các đối tượng:

a) Đối tượng 5: Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác; (Thí sinh nộp Quyết định cử đi học, Giấy xác nhận thời gian phục vụ).

Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; (Thí sinh nộp Quyết định bổ nhiệm).

b) Đối tượng 6: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 1 (Thí sinh nộp Sổ Hộ khẩu gia đình hợp pháp).

Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%"; (Thí sinh nộp Giấy chứng nhận, Quyết định của UBND cấp tỉnh về hưởng trợ cấp hàng tháng và Giấy khai sinh).

c) Đối tượng 7: Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện (Thí sinh nộp Giấy xác nhận).

Người lao động ưu tú thuộc tất cả các thành phần kinh tế được từ cấp tỉnh, Bộ trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (Thí sinh nộp Quyết định, Bằng/Huy hiệu).